TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M C** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2024
V/v: Ly hôn,chia tài sản chung, công nợ khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Khoàng Văn Hặc.**

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2024/HNGĐ-ST ngày 24/5/2024 về việc ly hôn, chia tài sản chung và nợ khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sùng Thị V - Snh năm: 1965 – Có mặt.

Trú tại: Bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Ông Giàng V C – Snh năm: 1967 – Có mặt.

Trú tại: Bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vùi Văn Nghĩa – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Triệu Thị Hồng – Luật sư thực hiện trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Anh Thào A Chứ - Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Sùng Thị V trình bày:**

Về hôn nhân: Bà và ông Giàng V C có quen biết và tìm hiểu nhau. Năm 1982, được sự nhất trí của hai bên gia đình ông bà tổ chức đám cưới theo P tục tập quán tại địa phương về chung sống với nhau, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn với nhau. Ông bà về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020 mới bắt đầu phát Snh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C có quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều cãi nhau. Từ đó ông C nhiều lần có những hành vi mắng chửi, đuổi bà ra khỏi nhà. Tháng 7/2022 bà về Snh sống ở cùng với con trai ở bản H C, xã P H, huyện M C. Ông bà sống ly thân với nhau từ đó đến nay, ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, bà không thể Snh sống được cùng ông C và không còn tình cảm vợ chồng với ông C nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Giàng V C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà đã có 08 con chung, cháu Giàng Thị S - Snh ngày 01/01/1984; Giàng A P - Snh ngày 17/9/1993; Giàng A N - Snh ngày 01/01/1992; Giàng A T - Snh ngày 25/6/1990; Giàng A K - Snh ngày 01/01/1995; Giàng A D - Snh ngày 05/6/1998; Giàng A N - Snh năm 07/8/2000; Giàng Thị D - Snh ngày 05/11/2002, các cháu hiện đều đã đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài sản chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng ông bà tạo dựng được những tài sản như sau:

- Về nhà, đất:

+ 01 Mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản H C, xã P H, huyện M C có diện tích khoảng 1500m^2 (bao gồm diện tích đất ở và 4 thửa ruộng liền kề). Vị trí tiếp giáp: một bên phía trên giáp đất nương ông Giàng A Chu; 03 bên giáp đất các con trai Giàng A P, Giàng A T, Giàng A N; 01 bên giáp với đất nhà ông Giàng Pà Páo; 01 bên giáp với đất nương ông Vừ Dủ Dì. 01 Ngôi nhà nhà sàn 04 gian được xây dựng tại mảnh đất trên được lợp Fibro xi măng.

Tổng trị giá nhà và đất khoảng 300.000.000 đồng; trong đó, giá trị thửa đất khoảng 200.000.000 đồng, giá trị ngôi nhà khoảng 100.000.000 đồng.

+ 02 đám ruộng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

+ Đám thứ nhất: Tại khu vực Sa Cu Nhè, có 17 thửa diện tích khoảng 3000m^2. Vị trí tiếp giáp: Phía trên giáp đất nương ông Sùng Xìa Lồng; phía bên trái giáp đất nương, ruộng con trai Giàng A T; phía bên phải giáp đất nương ông Giàng Dụ Chống; phía dưới giáp đất ruộng con trai Giàng A T. Trị giá khoảng 150.000.000 đồng.

+ Đám thứ 2: Có 04 thửa, tại khu vực Chông Lìa có diện tích khoảng 700 m^2; bên phải giáp với khe, phía bên trái giáp khe suối Đề Chờ Chua, phía trên giáp rừng; phía dưới giáp rừng trị giá khoảng 50.000.000 đồng.

+ 02 đám nương trồng ngô chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc khu vực suối Đề Chờ Chua thuộc bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

+ Đám thứ nhất: Có diện tích khoảng 1000m^2 một bên giáp đất nương nhà ông Giàng Dụ Chống. Phía trên giáp với đường Quốc lộ 6; phía bên trái giáp đất nương ông Giàng Dụ Chống và ông Li Phái Sìa, phía bên phải giáp với khe suối Đề Chờ Chua; phía dưới giáp đất ruộng của con trai Giàng A D trị giá khoảng 50.000.000 đồng.

+ Đám thứ 2: Có diện tích khoảng 500m^2 . Phía bên phải giáp đất trồng chuối, cỏ voi của ông Giàng A Dia; phía bên trái giáp đất nương ngô của con trai Giàng A N; phía trên giáp đường Quốc lộ 6; phía dưới giáp đất nương ông Li A Dế trị giá khoảng 30.000.000 đồng.

- Gia súc:

+ Có 06 con bò (02 con bò mẹ, 02 con bò con). Trong đó, bò (cái) mẹ thứ nhất màu đen, khoảng 04 tuổi; bò (cái) mẹ thứ 2 màu V, khoảng khoảng 9 tuổi. Trị giá mỗi con bò mẹ khoảng 10.000.000 đồng/01 con. 02 con bò con màu V, khoảng 10 tháng tuổi/con, trị giá khoảng 4.000.000 đồng/01 con.

Tổng giá trị 04 con bò trên khoảng 28.000.000 đồng. Hiện đàn bò trên do chồng tôi ông Giàng V C đang chăn nuôi, quản lý.

- Có 03 con ngựa; trong đó, 01 con ngựa mẹ khoảng 8 tuổi, màu xám đen trị giá khoảng 40.000.000 đồng; 01 con ngựa đực 10 tháng tuổi, màu V trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 01 con ngựa cái màu V đen, khoảng 04 tháng tuổi, trị giá khoảng 5000.000 đồng. Tổng trị giá 03 con ngựa trên khoảng: 60.000.000 đồng. Hiện 03 con ngựa trên do chồng tôi ông Giàng Vảng C đang chăn nuôi, quản lý.

Đối với số tài sản chung của vợ chồng, trong yêu cầu khởi kiện bà có đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung, tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà thấy không cần thiết yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà rút phần yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Vậy về số tài sản chung trên ông bà sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Trong quá trình Snh sống ông Giàng V C có đứng tên vay tiền Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C 20.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện bà trình bày số tiền vay Ngân hàng là ông C tự vay không liên quan đến bà, vậy bà để cho ông C tự trả cho Ngân hàng, bà sẽ không có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa ông Giàng V C đã trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, hiện ông C không còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C nữa, vậy bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* **Bị đơn ông Giàng V C tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông trình bày**:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống như bà V trình bày là đúng ông hoàn toàn nhất trí. Sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí hai bên gia đình ông

bà tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi theo P tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 1982, ông bà chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2020 mới phát Snh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong việc Snh hoạt hàng ngày chưa đến mức phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, vì chúng tôi có nhiều con nên bà V đã về Snh sống cùng với con trai của chúng tôi. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông là ông không nhất trí ly hôn vì ông còn tình cảm vợ chồng với bà V, ông mong bà V rút lại yêu cầu khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình, nếu bà V cứ cương quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông bà có 08 con chung cháu Giàng Thị S - Snh ngày 01/01/1984; Giàng A P - Snh ngày 17/9/1993; Giàng A N - Snh ngày 01/01/1992; Giàng A T - Snh ngày 25/6/1990; Giàng A K - Snh ngày 01/01/1995; Giàng A D - Snh ngày 05/6/1998; Giàng A N - Snh năm 07/8/2000; Giàng Thị D - Snh ngày 05/11/2002, các cháu hiện đều đã đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Nếu phải ly hôn về con chung ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài sản chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng ông bà tạo dựng được những tài sản như sau:

- Về nhà, đất:

+ 01 Mảnh đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản H C, xã P H, huyện M C có diện tích khoảng 1500m^2 (bao gồm diện tích đất ở và 4 thửa ruộng liền kề). Vị trí tiếp giáp: một bên phía trên giáp đất nương ông Giàng A Chu; 03 bên giáp đất các con trai Giàng A P, Giàng A T, Giàng A N; 01 bên giáp với đất nhà ông Giàng Pà Páo; 01 bên giáp với đất nương ông Vừ Dủ Dì. 01 Ngôi nhà nhà sàn 04 gian được xây dựng tại mảnh đất trên được lợp Fibro xi măng.

Tổng trị giá nhà và đất khoảng 300.000.000 đồng; trong đó, giá trị thửa đất khoảng 200.000.000 đồng, giá trị ngôi nhà khoảng 100.000.000 đồng.

+ 02 đám ruộng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

+ Đám thứ nhất: Tại khu vực Sa Cu Nhè, có 17 thửa diện tích khoảng 3000m^2. Vị trí tiếp giáp: Phía trên giáp đất nương ông Sùng Xìa Lồng; phía bên trái giáp đất nương, ruộng con trai Giàng A T; phía bên phải giáp đất nương ông Giàng Dụ Chống; phía dưới giáp đất ruộng con trai Giàng A T. Trị giá khoảng 150.000.000 đồng.

+ Đám thứ 2: Có 04 thửa, tại khu vực Chông Lìa có diện tích khoảng 700 m^2; bên phải giáp với khe, phía bên trái giáp khe suối Đề Chờ Chua, phía trên giáp rừng; phía dưới giáp rừng trị giá khoảng 50.000.000 đồng.

+ 02 đám nương trồng ngô chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc khu vực suối Đề Chờ Chua thuộc bản H C, xã P H, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

+ Đám thứ nhất: Có diện tích khoảng 1000m^2 một bên giáp đất nương nhà ông Giàng Dụ Chống. Phía trên giáp với đường Quốc lộ 6; phía bên trái giáp đất nương ông Giàng Dụ Chống và ông Li Phái Sìa, phía bên phải giáp với khe suối Đề Chờ Chua; phía dưới giáp đất ruộng của con trai Giàng A D trị giá khoảng 50.000.000 đồng.

+ Đám thứ 2: Có diện tích khoảng 500m^2. Phía bên phải giáp đất trồng chuối, cỏ voi của ông Giàng A Dia; phía bên trái giáp đất nương ngô của con trai Giàng A N; phía trên giáp đường Quốc lộ 6; phía dưới giáp đất nương ông Li A Dế trị giá khoảng 30.000.000 đồng.

- Gia súc:

+ Có 06 con bò (02 con bò mẹ, 02 con bò con). Trong đó, bò (cái) mẹ thứ nhất màu đen, khoảng 04 tuổi; bò (cái) mẹ thứ 2 màu V, khoảng khoảng 9 tuổi. Trị giá mỗi con bò mẹ khoảng 10.000.000 đồng/01 con. 02 con bò con màu V, khoảng 10 tháng tuổi/con, trị giá khoảng 4.000.000 đồng/01 con.

Tổng giá trị 04 con bò trên khoảng 28.000.000 đồng.

+ Có 03 con ngựa; trong đó, 01 con ngựa mẹ khoảng 8 tuổi, màu xám đen trị giá khoảng 40.000.000 đồng; 01 con ngựa đực 10 tháng tuổi, màu V trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 01 con ngựa cái màu V đen, khoảng 04 tháng tuổi, trị giá khoảng 5000.000 đồng. Tổng trị giá 03 con ngựa trên khoảng: 60.000.000 đồng.

Đối với số tài sản chung của vợ chồng, nay bà V rút không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung tôi nhất trí, nếu ly hôn chúng tôi sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông có vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C 20.000.000 đồng. Số nợ này mang tên ông vay, hiện ông đã trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, hiện ông không còn nợ ai, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vùi Văn Nghĩa vắng mặt, tại bản ghi ý kiến ngày 06/6/2024 ông trình bày:**

- Ngày 05/12/2023 hộ ông Giàng V C vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, chương trình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 20.000.000 đồng theo số khế ước 6600000727091793, hạn trả ngày 05/12/2028.

Trong bộ hồ sơ vay vốn của hộ gia đình ông Giàng V C và các thành viên trong gia đình cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có tên của Sùng Thị V nên bà Sùng Thị V không trách nhiệm trả nợ món vay trên.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C yêu cầu ông Giàng V C chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay, không phân chia trách nhiệm trả nợ, thực hiện đúng theo cam kết đã ký trên hợp đồng vay vốn.

Ngày 26/9/2024 Tòa án nhận được văn bản ghi ý kiến của người đại diện theo ủy quyền trình bày, số tiền 20.000.000 đồng ông Giàng V C vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, Chương trình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 20.000.000 đồng theo số khế ước 6600000727091793, hạn trả ngày 05/12/2028. Đến 18/9/2024 ông C đã trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, hiện ông Giàng V C không còn nợ Ngân hàng Chính xã hội huyện M C, vậy ông rút yêu cầu về yêu cầu ông Giàng V C chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay, không phân chia trách nhiệm trả nợ, thực hiện đúng theo cam kết đã ký trên hợp đồng vay vốn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Triệu Thị Hồng vắng mặt tại bản luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày**.

- Về hôn nhân**:** Bà V và ông C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, ông bà không đăng ký kết hôn với nhau, trong cuộc sống Snh hoạt hàng ngày thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không còn tìm được tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, hiện ông bà sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, như vậy cuộc sống chung giữa bà V và ông C không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc ông bà về chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát Snh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Vậy đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông C.

- Về con chung: Ông C bà V có 08 con chung, hiện các cháu đều đã đủ tuổi thành niên, có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong yêu cầu khởi kiện bà V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên ngày 10/6/2024 bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với phần chia tài sản chung, ông bà sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vậy đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

- Về nợ: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C, hiện ông C đã trả hết không còn nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Sùng Thị V là dân tộc thiểu số, Snh sống nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà V.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo theo quy định. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sùng Thị V và ông Giàng V C, về con chung các cháu đều đã đủ tuổi thành niên và đều có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, đề nghị không xem xét giải quyết. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn; Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết trả nợ khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự, bị đơn cư trú tại Bản H C, xã P H, huyện M C và có tài sản, bất động sản tại bản H C, xã P H, huyện M C. Vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Sùng Thị V là nguyên đơn, ông Giàng V C là bị đơn. Ngân hàng Chính sách xã hội là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện theo ủy quyền là ông Vùi Văn Nghĩa.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vùi Văn Nghĩa trong quá trình giải quyết vụ án ông đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì công việc cơ quan, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của ông Nghĩa được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/9/2024). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của ông Vùi Văn Nghĩa là có cơ sở cần được chấp nhận. Nguyên đơn bà Sùng Thị V và bị đơn ông Giàng V C có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vùi Văn Nghĩa theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Sùng Thị V và ông Giàng V C về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1982**,** chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo P tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm bà V có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát Snh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà Sùng Thị V có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sùng Thị V và ông Giàng V C.

[5] Về con chung: Ông C và bà V có 08 con chung cháu Giàng Thị S - Snh ngày 01/01/1984; Giàng A P - Snh ngày 17/9/1993; Giàng A N - Snh ngày 01/01/1992; Giàng A T - Snh ngày 25/6/1990; Giàng A K - Snh ngày 01/01/1995; Giàng A D - Snh ngày 05/6/1998; Giàng A N - Snh năm 07/8/2000; Giàng Thị D - Snh ngày 05/11/2002. Hiện các cháu đều đã đủ thành niên, có đủ khả năng lao động, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10/6/2024 của nguyên đơn bà Sùng Thị V (không yêu cầu giải quyết chia tài sản

chung) bị đơn ông Giàng V C đồng ý. Tại buổi hòa giải ngày 08/7/2024 và tại phiên tòa, về tài sản chung bà V và ông C sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đồng ý ngoài ra không có yêu cầu gì. HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng ông Giàng V C vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C. Trước khi mở phiên tòa ông Giàng V C đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vùi Văn Nghĩa đã có đơn rút yêu cầu về yêu cầu ông C trả nợ cho Ngân hàng, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị rút phần yêu cầu giải quyết về trách nhiệm trả nợ, HĐXX xét thấy việc các đương sự rút phần yêu cầu về trách nhiệm trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu của các đương sự đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy trước khi mở phiên tòa ông Giàng V C đã trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M C. Hiện ông C không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc. Vậy Ngân hàng Chính sách xã hội, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc, không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[7] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì bà Sùng Thị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Sùng Thị V là dân tộc thiểu số, Snh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bà V xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà V.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sùng Thị V và ông Giàng V C.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn.

4. Về nợ: Đình chỉ phần yêu cầu về trách nhiệm trả nợ khi ly hôn của các đương sự trong vụ án.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Sùng Thị V.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn bà Sùng Thị V, bị đơn ông Giàng V C có mặt được quyền Kng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/9/2024.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- Người CQLNVLQ;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh